

## ĐÔI BỜ



Có những dòng sông tưởng như sinh ra để chỉ chảy qua đồng ruộng, qua bãi cát mịn, những bãi bồi lặng lẽ, hay lượn qua những lũy tre làng êm ấm. Nhưng cũng có những dòng sông, không hiểu vì sao, lại được lịch sử chọn làm ranh giới, chảy qua cả số phận của một dân tộc – để chia đôi hai miền, chia đôi phận người. Từ sông Gianh của thế kỷ xa xưa, nơi hai miền Đàng Trong – Đàng Ngoài, của Chúa Trịnh Chúa Nguyễn, đứng nhìn nhau qua màn sương lịch sử, đến sông Bến Hải của thế kỷ gần hơn, nơi bên kia cầu Hiền Lương từng run rẩy trong tiếng loa phóng thanh và những ánh mắt thù nghịch với mã tấu búa liềm, và bên này cầu với âm no hạnh phúc, giáo dục nhân bản, và tự do xã hội. Hai dòng nước ấy, cách nhau hàng trăm năm, lại cùng mang một nỗi đau: nỗi đau của một đất nước bị chia đôi như một nhát chém vào tim. Là nỗi đau của những con người bị buộc phải đứng ở hai bờ, nhìn nhau mà không thể bước đến cầm tay nhau.

Giữa những đôi bờ ấy, dân Việt vẫn đứng đó, với một vết thương đã liền da nhưng vẫn nhói, vẫn buốt. Đặc biệt, sông Bến Hải–cầu Hiền Lương trở thành một nỗi nhớ triền miên, kèm theo mát mát chia lìa mà có khi cả đời vẫn chưa hàn gắn. Câu chuyện Đôi Bờ không chỉ là chuyện về địa lý của vĩ tuyến 17, không chỉ ngăn cách hai miền đất, hai chính thể. Chúng còn chia lìa những điều mong manh nhất của kiếp người. Với những danh từ mới:

- Bên Dinh Bên Tề,
- Di Cư Tập Kết,
- Tàu Há Mỡm,

- Vượt Sông Vượt Tuyền,
- Bức Màn Sắt,
- Quốc Gia,
- Cộng Sản,
- Tự Do Dân Chủ,
- Độc Tài Đảng Trị,
- Khản Hoang Lập Ấp,
- Đấu Tố – Cải Cách Ruộng Đất.

Khiến sự chia cách càng thêm éo le. Có những đôi bạn lớn lên cùng nhau, rồi một ngày trở thành hai phía của lịch sử. Có những mối tình vừa chớm nở đã bị dòng nước lạnh lùng cuốn đi, để lại hai trái tim chỉ còn biết thương nhớ nhau bằng ký ức. Có những gia đình, kẻ ở lại người ra đi, dù chỉ cách nhau một dòng sông nhỏ mà lại hóa ra xa đến tận hơn nửa đời người. Có những người chồng vội vã mang hai con lớn, để lại thằng út cho vợ, mà không ngờ thật đắng cay và chua xót khi về sau người cha và thằng con út mình tìm thấy nhau ở hai bên chiến tuyến.

Đôi Bờ bỗng nhiên trở thành câu chuyện của những trái tim – những trái tim bị chia ly, những trái tim chảy máu, những trái tim lặng lẽ giữ lấy một niềm tin rằng, dù chiến tranh ngang trái, dù một dòng sông nhỏ thôi cũng đủ trở thành ranh giới của nhớ thương. Nỗi "thương nhớ ơ hờ, thương nhớ ai" – trong Đôi Bờ của Quang Dũng – như một lời thở than, một vết thương mềm của anh lính nhớ về một hình bóng xa mà gần, gần mà xa. Nỗi nhớ ấy tưởng chỉ là chuyện riêng giữa hai người, nhưng thật ra lại chạm vào mạch ngầm hằng có trong lịch sử Việt Nam – nơi những dòng sông từ lâu mang trong mình số phận chia cắt.

Sau Bến Hải, đến Cầu Trường Tiền bị CS đánh sập khi chúng mưu đồ xé bỏ hiệp định đình chiến Tết Mậu Thân 1968, chia cắt đôi bờ Hữu Ngạn Tả Ngạn của Huế gần cả tháng, đem chiến tranh vào tận thành phố và gieo tang tóc, chết chóc cho mấy ngàn thường dân vô tội. Từ năm 1965 và lần hồi nhiều năm sau đó, ranh giới Bến Hải bị xô lệch khi miền Bắc cố tình và âm thầm lấn xuống phía Nam qua hẻm vùng phi quân sự. Đến năm Hè Đỏ Lửa 1972, cả ngàn bộ đội Miền Bắc bỏ xác, nhuộm đỏ dòng sông Thạch Hãn khi tràn vào đánh vào Quảng Trị.

Những sự kiện lấn chiếm phía Nam sông Bến Hải, đánh sập cầu Trường Tiền, tiến đánh Quảng Trị 1972, chủ trương chiến dịch Da Beo, khiến nơi trao đổi tù binh hai bên vào hè năm 1973 không phải là tại sông Bến Hải, mà là tại sông Thạch Hãn, cho thấy sự trá trở giao quyết của chế độ vô sản Miền Bắc, gây ra bao cuộc chia ly mà hình ảnh và vết tích đã, đang, và mãi mãi còn in dấu trong lịch sử dân tộc.

Tưởng rằng sau 1975 khi đất nước liền một dải thì nỗi chia ly sẽ chấm dứt, đôi bờ ngăn cách sẽ được xóa tan. Thế nhưng lịch sử như muốn thử thách thêm sức chịu đựng của con dân mình, và rằng lịch sử chưa đủ những vết cắt, hay như thể cha ông chúng ta chưa đền đủ nợ oan gia từ tiền kiếp, biến có 30 tháng 4, 1975 lại mở ra một cuộc chia lìa khác, khủng khiếp

hơn, kinh hãi hơn nhiều, gây nhiều thảm cảnh thương đau, đánh động lương tâm toàn thế giới – vì lần này không phải bởi một dòng sông nhỏ, mà bởi cả một đại dương rộng lớn và hải hùng. Đại dương mênh mông này trở thành "dòng sông thứ ba", hàng trăm ngàn người Việt lại đứng ở hai bờ sông – một bên là đất mẹ, một bên là bến bờ xa lạ.

Sóng biển không những nuốt chửng thuyền nhân, mà còn nuốt cả những hy vọng, những lời hẹn thề, những tiếng gọi nhau không bao giờ tới được. Vì vậy khi đọc Đồi Bờ, ta không chỉ thấy một cuộc chia ly của hai người, mà còn thấy luôn bóng dáng của cả một dân tộc oằn người trong đó – một dân tộc nhiều lần bị đặt ở hai phía đối diện, nhưng trái tim người dân thì chưa bao giờ thôi hướng về nhau – với một người ra đi là cả một gia đình mười người còn lại bên kia ngày ngày cầu nguyện cho người thân yêu đến được bờ bên tự do. Như vậy mới thấy rõ những Đồi Bờ của lịch sử có thể xa, nhưng những Đồi Bờ của tình người thì vẫn âm thầm mong ước ngày tái ngộ.

Đây là một cuộc vượt tuyến vĩ đại chưa từng được ghi nhận trong lịch sử thế giới, nói lên sự dứt khoát chọn lựa Tự Do trong cuộc sống, thà chết ngoài biển khơi hơn là tiếp tục sống trong nhà tù lớn, nhỏ, của chế độ thù hận. Văn học xã hội và lịch sử có thêm những danh từ mới: Di Tản, Vượt Biên Vượt Biển, Cướp Biển, Thuyền Nhân, Bộ Nhân, HO, ODP, Trại Ty Nạn, Trại Chuyển Tiếp, Hoạt Động Cứu Người Vượt Biển, Định Cư Nhập Cư, Political Asylum, Green Card...

Nhưng các bạn ơi, bến bờ lần này xa vời vợi, quá rộng, quá lạnh, quá tàn nhẫn; Thái Bình Dương hay cả bên kia bờ Thái Bình Dương, rồi khắp vòng quanh thế giới là vạn dặm cách xa quê hương. Ở giữa những bờ ấy là những con thuyền mong manh như số phận người ra đi, là đói khát, là sóng to gió lớn, là chết chóc với con mắt mở lớn khiếp đảm, và bàn tay không kịp đưa lên trời cầu xin, với những cơn bão không tên làm chìm thuyền, hay do thuyền của hung thần hải tặc đâm thẳng vào sau khi vét cạn chút tài sản còn lại của nạn nhân... Và giữa hai bờ ấy, cả mấy trăm ngàn người – vì một chữ Tự Do – đã nằm lại, không mộ phần, không bia đá, chỉ có biển cả làm tấm khăn liệm cuối cùng. Những chia ly này, không như những chia ly trước chỉ vì địa lý. Chúng là những tiếng khóc than bay lên tận trời. Là những vết thương âm thầm không ngưng rỉ máu trong từng gia đình, khi cha mất con vợ mất chồng, anh em thất lạc nhau – là những thảm cảnh xã hội trớ trêu, đầy oan trái, đắng cay.

Ta thường tự hỏi có phải lỗi lầm? Hay chỉ định mệnh? Khi một người vợ phải "ôm cầm sang thuyền khác" vì con thơ cần được nuôi, vì miếng cơm manh áo, vì bơ vơ trên xứ người, vì không biết chồng mình còn sống trong tù CS hay đã nằm đâu đó giữa núi rừng, biển khơi. Khi một người chồng cô đơn qua năm tháng, không tin có ngày vợ mình an toàn vượt biển để đoàn tụ, đành phải lấy một người chưa hề quen biết để cùng góp gạo thổi cơm – Thì đó không phải là lỗi lầm. Không ai phụ ai. Không ai phản bội ai. Đó là biến chuyển lịch sử phụ họ. Đó là định mệnh, là sự tàn nhẫn của thời cuộc, là cái giá con người phải trả. Ai trong chúng ta mà không mang một cây thánh giá trên vai?! Không nặng hơn, không nhẹ

hơn; khác nhau ở chỗ vắc như thế nào!? Chỉ là nhẹ hay nặng thôi! Trong những hoàn cảnh ấy, người ta không có sự lựa chọn. Cuộc sống buộc họ phải sống tiếp.

Phải chăng tiếp tục sống đôi khi cũng là một cách giữ gìn phẩm giá của mình. Để khi gặp lại nhau về sau, với mỗi người một đời sống riêng, thì điều họ trao cho nhau là sự cảm thông và tha thứ. Cảm thông để hiểu rằng định mệnh đã an bài, không ai phản bội ai. Chớ trách móc, chớ kết tội. Cần tha thứ. Tha thứ để nhẹ lòng, để giữ phần đẹp nhất của nhau, phần đã từng thuộc về nhau trước khi lịch sử xé đôi, và để khép lại một chương đời đau thương; chứ tha thứ không có nghĩa là phải quay về lại với nhau. Ta gọi đó là tình nhân bản.

Lỗi đâu ở kẻ đôi thay – Chỉ do định mệnh đẩy ngày xa nhau.

Thương nhau chẳng giữ được nhau – Thì xin giữ lấy nỗi đau dịu dàng.

Mai sau gặp lại muộn màng – Mỗi người một ngã... vẫn mang nghĩa tình.

Tha thứ để nhẹ lòng mình – Tha cho số phận lên đênh tháng ngày.

Có những Đôi Bờ khắc nghiệt hơn — những gia đình bị xô lệch vì lịch sử. Người tập kết mang người vợ mới về Nam khi người vợ miền Nam vẫn nuôi con thành đạt và mỗi mòn chờ chồng suốt 20 năm, tạo ra hoàn cảnh những trái tim không biết phải trách ai, chỉ biết tự hỏi vì sao số phận lại chia người ta ra làm hai nửa như vậy.

Lại có Đôi Bờ còn đau hơn nữa, khi một người cha vì sợ mất chức, mất danh trong Đảng nên không dám bảo lãnh chính con ruột của mình ra khỏi trại cải tạo, nhưng lại nhận tiền để cứu một người xa lạ. Ở đó, Đôi Bờ không chỉ là khoảng cách, mà là vết cắt của lương tâm, là nơi người ta buộc phải đối diện với chính mình.

Nhưng Đôi Bờ đâu chỉ nằm ngoài xã hội, ngoài lịch sử. Ngay trong một mái nhà nhỏ, đôi khi cũng có những dòng sông lặng lẽ chảy qua. Có những người chồng bước sang một bờ khác của đam mê và phản bội, để lại người vợ đứng bên này với nỗi đau không gọi thành tên. Có những người vợ lạc vào cơn mê đỏ đen, để gia đình dần dần trôi xa như chiếc thuyền đứt neo. Những ranh giới ấy không ai dựng lên bằng tay, nhưng lại hiện ra rất rõ trong ánh mắt, trong bữa cơm, trong khoảng cách của hai người từng nằm sát bên nhau.

Thiếu gì trường hợp Đôi Bờ đâu chỉ chia vợ chồng, cha con. Có khi nó chia cả những người bạn từng lớn lên bên nhau, từng chung một giấc mơ tuổi trẻ. Một người ở lại thành phố, khoác áo sĩ quan miền Nam; người kia vào bung, trở thành cán bộ của phía bên kia. Đến ngày gặp lại sau 75, khoảnh khắc họ nhìn thấy nhau qua song sắt — một người tù, một người cai tù — là khoảnh khắc mà cả hai đều hiểu rằng tình bạn ngày xưa đã bị lịch sử xé làm đôi, không phải bằng dao, mà bằng những lựa chọn mà họ không còn quyền từ chối. Rồi người bạn trở về ép uổng lấy người vợ của bạn mình, là người con gái mà cả hai từng thương chung thuở học trò. Không phải vì phản bội, mà vì thời cuộc đã đẩy mỗi người trôi

sang hai bờ đò vàng khác, để khi quay lại, tình bạn ngày xưa chỉ còn là một vết đen trong ký ức, muốn quên nhưng thật khó.

Những Đồi Bờ nói trên — dù âm thầm, dù riêng tư — nhưng chính là những vết thương sâu nhất mà chiến tranh để lại trong lòng người Việt.

Các bạn mến, đại dương không những chia đôi đất nước, nó xé nát cả những cuộc đời. Đồi Bờ của biển cả, Đồi Bờ của lịch sử, Đồi Bờ của định mệnh — tất cả đã hoà lại tạo thành một nỗi đau chung của dân tộc. Một vết cắt thứ Ba, quá rộng, quá to, và sâu nhất. Ba lần chia cắt, ba dòng nước — một nhỏ, một hẹp, một mênh mông — nhưng nỗi đau vẫn chỉ có một. Đó là nỗi đau của những con người bị buộc phải đứng ở hai bờ, nhìn nhau mà không thể bước. Tuy nhiên, có điều lạ nhất — càng xa quê hương, lòng càng nhớ, càng thấm nghĩa tình người. Lịch sử có thể chia đời ta từng đoạn, kể luôn cả gia đình ta ra từng khúc, nhưng lại không chia được tâm lòng của người Việt với người Việt trên quê hương thứ hai. Và với thời gian, lòng người cũng hiểu điều còn lại sau cùng, không phải là biên giới hay chiến tuyến, mà là bàn tay muốn nắm lấy bàn tay, cho dù, như đã từng — cách một dòng sông — và nay cách một đại dương.

Khi viết về Đồi Bờ theo cái nhìn của lịch sử dân tộc, chúng ta không thể không nhắc đến thi văn và âm nhạc Việt qua các Đồi Bờ lịch sử ấy. Nơi lịch sử dựng ra Đồi Bờ, âm nhạc lại mở ra những con đường. Nơi chiến tranh đẩy người ta xa nhau, âm nhạc lại giữ họ lại gần. Nhạc và thơ vượt qua được ranh giới, nối lại những bờ xa vắng bằng một câu thơ nhưng nhớ, bằng một câu hò à ơ tình tự. Vì thi ca và âm nhạc là hơi thở, là tiếng thở dài ai oán của cả hai bờ. Thi văn và âm nhạc luôn là nơi mọi người gửi gắm những nỗi chia ly, lòng nhưng nhớ, tình yêu thương mà lời nói thường không đủ mạnh, không đủ chiều sâu để cất lên. Mỗi giai đoạn lịch sử đều để lại một dấu mốc cho những Đồi Bờ.

Với dòng sông Bến Hải, Lam Phương đã sáng tác "*Chuyến Đò Vĩ Tuyến*" kể về một cô gái đưa người yêu vượt sông Bến Hải trong đêm "Đêm nay trăng sáng quá anh ơi — Sao ta lìa cách bởi dòng sông bạc hai màu". Một bản nhạc mà mỗi câu hát như run lên vì sương khuya và nỗi đợi chờ.

### *Chuyến đò vĩ tuyến*

Ngày đất nước bị chia đôi ở vĩ tuyến 17, khi từng đoàn người lạng lẽ rời miền Bắc để tìm Tự Do, nhạc sĩ Anh Bằng đã viết "*Nỗi Lòng Người Đi*". Bài hát mang theo tiếng thở dài của hàng trăm ngàn thân phận người lên đường mà còn ngoái lại quê nhà. Bản nhạc không kể chuyện bằng sự kiện, mà bằng nỗi nhớ, bằng tiếng gọi quê hương từ lòng của những kẻ buộc phải rời đi.

### *Nỗi Lòng Người Đi*

Có những bài hát không cần nói đến nỗi đau thương, nhưng chỉ một câu thôi cũng đủ làm tim người nghe thắt lại. Trong "**Bên Bờ Đại Dương**", khi nhạc sĩ Hoàng Trọng và Hồ Đình Phương viết "Đất nước tôi màu thắm bên bờ Đại Dương, Bắc với Nam, tình nối qua lòng Miền Trung...", đó là tiếng vọng của một người vừa trải qua cuộc chia đôi 1954, đứng bên bờ Nam nhớ qua bờ Bắc. Giữa hai miền là dãy Trường Sơn, là những mái tranh nghèo Bắc Giang, là ruộng ngọt phương Nam. Tuy trong bản nhạc không có khúc than, nhưng trong sự hùng tráng của nó có một nỗi sầu sâu đậm: dù chia đôi, dân tộc vẫn giữ niềm tin nghĩa tình có thể được nối qua lòng miền Trung.

### [Bên Bờ Đại Dương](#)

Giữa những Đồi Bờ của lịch sử, còn có những đồi bờ riêng – đồi bờ của định mệnh và tôn giáo. "**Chuyện Tình Buồn**" của Phạm Duy, phổ từ bài thơ của Phạm văn Bình, gốc Đông Hà, Quảng Trị, mang tâm sự một cuộc tình tan vỡ vì người nam và người nữ không thể bước chung qua một cánh cửa tôn giáo – Một cánh cửa luôn rộng mở cho mọi người, nhưng lại khép lại cho đôi tình nhân trẻ tuổi – Đồi Bờ không nằm trên bản đồ, mà nằm trong trái tim, để khi gặp lại nhau chỉ còn "thương người em năm cũ, thương góa phụ bên sông".

### [Chuyện Tình Buồn](#)

"**Chuyện Một Cây Cầu Đã Gãy**" được Trầm Tử Thiêng sáng tác ngay trong năm 1968. Bài hát gắn liền với cây cầu biểu tượng cho xứ Thần Kinh, bị đánh sập trong Tết Mậu Thân ở Huế. Sáng tác này xem như một khúc ai điếu. Cầu nối hai phía Hữu Ngạn và Tả Ngạn, nối chợ Đông Ba, khu phố Gia Hội, phố Phan Bội Châu với các trường học Quốc Học, Đồng Khánh, Nguyễn Tri Phương, Thiên Hữu, Bình Linh, Đại Học Huế, chợ Bến Ngự; nối Đại Nội, khu Thành Nội, Mang Cá cùng quân y viện Nguyễn Tri Phương với khu hành chánh, tòa Tỉnh Trưởng, khu đại học cùng bệnh viện Trung Ương Huế, nhà Ga Huế, Đập Đá. Một vài nhịp cầu bị nổ mìn và nguyên thành phố Huế chìm trong tang tóc – một phần đời của Huế bị búng khỏi sự bình yên vốn từng có theo sự lặng lẽ của dòng sông Hương. Đặc biệt giai điệu bản nhạc mang âm hưởng Nam Bình – Nam Ai, cổ kính của xứ Thần Kinh, như những tiếng than dài ai oán của thành phố chịu quá nhiều tang thương. Bản nhạc này được nhắc đến như một lời tiễn biệt cho phần linh hồn của Huế, không phải vì một vài nhịp bị sập mà cả một ký ức chung bị vỡ, một nỗi đau mà dân Huế mang theo suốt đời – cho dù về sau cây cầu được sửa lại, tô màu, lên đèn, nhưng tinh thần Đồi Bờ của cây cầu không bao giờ được nối lại. Lịch sử sẽ ghi đầy một trang đen tối.

### [Chuyện Một Cây Cầu Đã Gãy](#)

Bạn thân mến, có những nỗi nhớ không hướng về một cá nhân, mà hướng về cả một đời. Trong "**Người Di Tản Buồn**" của Nam Lộc – mà chúng ta biết đến, qua những công việc giúp người tỵ nạn định cư, cộng tác và hướng dẫn nổi tiếng của chương trình nhạc Asia, người kêu gọi và góp sức trong việc xây dựng Tượng Đài Chiến sĩ Việt Mỹ tại Westminster,

và nhạc sĩ của nhiều tình ca tuyệt vời, kể cả bài Sài Gòn Oi! Vĩnh Biệt – khi tiếng hát cất lên

*"Cho tôi xin lại ngọn đồi...  
Cho tôi xin lại bờ rừng...  
Cho tôi xin một lần chào...  
Cho tôi xin một mộ phần..."*,

đó không chỉ là lời xin của một người tỵ nạn đơn giản, mà là lời khẩn của một người lính đã mất quê hương, mất đồng đội, mất cả nơi để trở về. Những ngọn đồi ấy, bờ rừng ấy, không còn trên bản đồ, nhưng vẫn còn nguyên trong ký ức – nơi anh em từng nằm chung hầm, chia từng nhúm gạo xấy, từng hơi thở giữa cái sống và cái chết. Và nỗi đau đớn nhất, không phải là lưu vong, mà biết rằng mình không thể trở về để chào những bạn đã khuất. Xin hãy niệm mỗi câu hát là một nén hương thấp cho những đồng đội đã nằm xuống, và ngay cả cho một phần đời của mình đã nằm lại bên kia bờ. Bài hát này, không phải chỉ là ký ức chiến trường, mà còn là ký ức của những người ở lại nhìn bạn bè ra đi mãi mãi – khiến bao chiến sĩ chúng tôi nhỏ lệ.

Mấy chục năm trước, ca nhạc sĩ Nam Lộc trình bày cho cộng đồng người Việt Tỵ Nạn bản nhạc "Người Di Tản Buồn" rất nhiều lần, không những trên sân khấu mà trong những công viên, những khuôn viên nhà thờ, nhà hội đoàn... Trong thước phim đen trắng cũ kỹ ấy, Nam Lộc đứng trước cả ngàn người. Không có sân khấu lộng lẫy, không ánh đèn màu, chỉ một đờn guitar và một micro đơn sơ và tiếng hát nghẹn ngào của một người từng sống với nỗi đau của dân tộc. Xung quanh ông là những gương mặt trẻ, nam nữ, đứng chen nhau, mắt mở lớn, lặng đi như bị cuốn vào từng câu hát. Họ là thế hệ vừa rời quê hương, còn nguyên nỗi bàng hoàng của những ngày vượt biển, vượt biên. Phía sau họ, những mái đầu bạc, những cụ ông cụ bà khoác áo len cũ, đứng nép dưới bóng cây. Nhiều người tỏ dấu xúc động. Có lắm cụ chấp tay trước ngực, như muốn chặn cơn nghẹn đang dâng trào trong con tim; có bà cúi mặt, cầm vạt áo lau nước mắt, không phải chỉ vì bài hát buồn, mà vì bài hát nói đúng nỗi lòng của thế hệ lưu vong.

Mọi người đứng yên, như bị giữ lại bởi sức nặng của ký ức. Khi Nam Lộc cất lên đoạn cuối – đoạn từng làm bao trái tim rướm máu – cả đám đông như nín thở, không một lời nói, không một ai nhúc nhích. Chỉ có tiếng hát, tiếng nức nở, cùng tiếng thở dài của những người mang quê hương trong tim suốt một đời.

### [Người Di Tản Buồn](#)

Một người khác, không có số quân, và bạn thân của tôi, cũng đã hát "Người Di Tản Buồn". Bs. Lương Quang Thịnh chỉ là một người thích hát, với mái tóc dài lãng mạn của thời sinh viên. Nhưng giọng hát lại mang một nỗi xót xa rất thật – do lẽ anh đã lớn lên giữa mùa hè Đỏ Lửa, khi bạn bè trong xóm, và cả người thân bị đôn quân năm 1972, rồi ngã xuống quá sớm. Anh là kẻ may mắn được tiếp tục cấp sách đến trường. Nhưng sự may mắn ấy lại trở

thành một vết thương âm ỷ. Là nỗi day dứt của người ở lại nhìn tuổi trẻ của bạn bè mình hóa thành bia mộ.

Có lẽ vì vậy, khi anh hát, mắt anh sâu và buồn đến lạ – như nhìn xuyên qua bao năm tháng thấy lại những gương mặt đã mất. Giọng hát anh vững, không phô trương, nhưng mỗi chữ như mang sức nặng của con người từng chứng kiến chiến tranh từ phía sau cánh cửa gia đình. Anh cùng người yêu vượt biên khi đang còn là sinh viên năm thứ Tư Đại Học YK Sài Gòn, mang theo hành trang, không chỉ là ước mơ của tuổi trẻ, mà còn là hình ảnh của những người nằm lại trên những chiến trường lớn nhỏ, trên các con đường bờ rừng của quê hương. Vì vậy khi anh cất lên "Người Di Tản Buồn", ta không chỉ nghe tiếng hát của một người tỵ nạn, mà là tiếng thở dài của một thế hệ của những người trai không cầm súng nhưng vẫn mang trong lòng một cuộc chiến chưa chấm dứt. Và tôi nghĩ, chứng kiến những người bạn trẻ đã nằm xuống vĩnh viễn – sự bất lực, sự ray rứt của người ở lại – rất gần với nỗi đau mà Nam Lộc từng viết, từng cất cao tiếng hát.

### [Người Di Tản Buồn](#)

Trong bài "**Một Lần Yêu**" của Phạm Mạnh Cương, sáng tác năm 1968, câu cuối "Xin nhớ rằng hợp tan có khi – Em gởi mộng anh xuôi vạn lý – Hẹn ngày nao trên bến quê hương – Thuyền về đây rũ áo phong sương – Đôi mình chung ngắm mây hoàng hôn" không chỉ là lời hẹn vu vơ của đôi lứa, mà là lời hẹn của những người ly hương với quê hương yêu dấu của mình. Dù đời khi hợp khi tan, dù mỗi chúng ta kẻ ngược người xuôi, chúng ta vẫn còn có chung một bến đợi... trong hoàng hôn của cuộc đời.

### [Một lần yêu](#)

Nếu "Một Lần Yêu" mở ra một bến đợi cho ta tìm về, thì trong "Em Còn Nhớ Mùa Xuân", NS. Ngô Thụy Miên mở ra một giấc mơ hồi hương giữa những ngày lưu lạc. Bài này được Ông viết năm 1978, khi ông một mình đang ở trong trại tỵ nạn Pulau Bidong, xa người yêu. Nỗi nhớ ở đây không chỉ là nhớ mùa Xuân, mà là nhớ một thành phố đã mất, nhớ một quê hương chưa biết bao giờ gặp lại. Qua câu "những thành phố em đã đi qua... nhưng có đâu bằng Sài Gòn hôm qua – nhưng có đâu bằng Sài Gòn mai sau – em có mơ ngày hát câu hồi hương", đó không phải là chỉ là một nỗi nhớ cho thành phố, mà là luyến tiếc nhớ nhung cho một đời sống đã từng. Và câu hát ấy trở thành lời thì thầm của bao người xa xứ: dù chân bước qua bao nhiêu nơi, đường xa bao vạn dặm, trái tim ta vẫn hướng về chốn duy nhất để trở về. Bản nhạc này là một trong những bài mến chuộng nhất tại hải ngoại.

### [Một lần yêu](#)

Trong hành trình về thăm lại quê hương, có những con đường vẫn nguyên như ngày ta rời, vẫn nắng mai rực rỡ, hàng hoa giấy vẫn đỏ thắm, tiếng chim vẫn gọi nhau. "**Con Đường Tôi Về**", một sáng tác bất hủ để đời của NS. Lê Tín Hương khi về thăm cha bệnh nặng sau 15 năm cách biệt, đã được viết lên với những cảm xúc thật khi đối diện với cảnh cũ người xưa.

Mặc dù nó không óng ả mượt mà như mấy câu thơ của Bà Huyện Thanh Quan "Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo – Cảnh đày người đày luống đoạn trường", nhưng NS Lê Tín Hương giúp ta nhìn thấy cô gái áo trắng ngày nào nay đã bước vào đời với nụ hồng lá lơi, người thương phé binh lê đôi nặng gỗ giữa chợ đời, người cha trở về thân thể hao gầy sau những năm tù tội, người mẹ quê vá áo đời bằng đôi tay gầy guộc – những hình ảnh lột tả đúng sự thật của một xã hội nuôi nhau trong đôi gian và bản cùng tột độ. Những câu ấy không trách móc ai. Chúng chỉ đặt tay lên những vết thương, dù nhẹ, nhưng vẫn đủ để ta thấy nhói, thấy đau. Và để ta nghiệm ra không phải là thấy mái nhà xiêu vẹo, vườn hoang ruộng trống mà xót xa buồn ngùi, mà chính là thấy thân phận người thương yêu của mình đã bị thời gian tiêu hao, xoáy mòn – những người muôn năm cũ hồn ở đâu bây giờ – Đôi Bờ vì thế không chỉ là câu chuyện của chia cắt, mà còn là câu chuyện của những bước chân trở lại – trở lại để nhận biết rằng quê hương vẫn đẹp, nhưng đẹp trong một nỗi buồn không thể gọi tên.

### [Con đường tôi về](#)

Có những chia ly không phải vì lỗi của ai, mà vì thế sự nghiêng ngửa đả đọa. Trong "**Đã Một Lần**" khi Bác sĩ Nhảy Dù tài hoa Phạm Gia Cồn viết "Trách chi người ai lỗi ai – Trách chi người mi ướt cay – Trách chi người thôi đã xa nhau kiếp này – Thì thôi có trách trăm lời cũng thừa. Mùi thơm khăn áo đi vào cổ tích tôi", đó chỉ là một lời thở dài của một người từng hiểu trách móc không làm voi nổi đau, mà chỉ làm nặng thêm những gì đã mất. Bởi vậy, Ông chọn cách buông – buông cho nhẹ lòng mình, và nhẹ luôn cả người ấy. Giữa những Đôi Bờ định mệnh, đôi khi điều nhân hậu nhất ta có thể làm cho nhau là không trách cứ gì nhau. Trả lại một khăn tang cho quãng đời của nhau.

### [Đã một lần](#)

Một trong những bản nhạc do bác sĩ quân y Phạm Anh Dũng sáng tác về nỗi nhớ quê hương, "**Tình Khúc Hồi Hương**", rất được mến mộ, không những vì âm điệu rất nhẹ nhàng, dễ dàng, quyến rũ mà lời nhạc rất đơn sơ đầy tình quê mộc mạc. Chỉ cần một dòng sông xưa, một con đường cũ, một hàng cây xanh là đủ để đánh thức cả một nỗi niềm quê hương – đã từng tiềm ẩn trong quá khứ – Lời nhắn nhủ "này người yêu dấu, anh muốn đưa em về dòng sông xưa làng cũ... thăm ngôi trường cũ... thăm con đường cũ..." không chỉ là lời hẹn của đôi lứa, mà là lời thì thầm của những kẻ đi quá xa, mong một ngày được trở về nơi mình từng bắt đầu. Dịu dàng chân thật, bài hát nhắc ta quê hương không bao giờ mất – nó chờ đợi ta, trong khói sương chiều, lặng lẽ bình an như hàng cây xanh lá thắm ngàn năm.

### [Tình khúc hồi hương](#)

Trong lời Việt của Lữ Liên, bản nhạc "**Đôi Bờ**" mang hai nhịp thở: một nhịp của chia lìa tuyệt vọng, và một nhịp của giấc mơ hồi hương. Khi nghe "bóng con thuyền vượt ngàn trùng... Mãi mãi mất nhau", ta tưởng như đó là một cuộc biệt ly không còn đường trở lại. Thế nhưng, ở cuối bài, hình ảnh "đêm qua anh mơ bóng quê hương... đứng dưới bóng mát... đón em khi tan trường" lại hiện ra như một phép màu nhỏ. Các bạn ơi! Đó không phải là

thực tế – Đó là giấc mơ của những người đã mất quá nhiều, chỉ còn chút ký ức để níu lại. Giữa hai bờ tuyệt vọng và hy vọng, bài nhạc nhắc ta rằng: đôi khi, chính giấc mơ là nơi duy nhất ta còn có thể gặp lại nhau. Người nhạc sĩ nghiệp dư trong bài hát là quân nha sĩ Lý Văn Quý, với giọng hát sống động và truyền cảm.

### [Đôi Bờ / Qui Sera - Nhạc Ý Lời Việt của Lữ Liên / Nhạc Pháp - Lý Quý đơn ca](#)

Chắc ai trong chúng ta cũng nằm lòng bản nhạc "**Tôi Đưa Em Sang Sông**" của Nhật Ngân & Y Vũ. Câu hát "Nàng đã thay một lối về. Quên cả người trong gió mưa" làm ta liên tưởng đến câu thơ đầy mộng mơ "Em là gái trong song cửa, anh là mây bốn phương trời". Là tiếng thở dài của những phận người bị hoàn cảnh đẩy xa nhau, giống như bao đôi lứa bị chia lìa do thời cuộc: một chàng trai lên đường làm nhiệm vụ, một người phải rời quê vì chiến cuộc, như trong câu "Đời tôi là chiến binh đi khắp phương trời. Rõ ràng bài hát trang trải đúng nỗi niềm của những Đôi Bờ định mệnh: yêu nhau mà không đến được với nhau, không phải vì lỗi của ai, mà vì đời đã chọn cho họ một con đường khác. Con đường của trai thời loạn.

### [Tôi đưa em sang sông](#)

Bạn mến, có những cuộc ra đi tưởng như chỉ là một con mộng dữ giữa trùng trùng sóng gió. Từng chúng ta năm ấy bước lên con thuyền không hẹn ngày trở lại, mang theo một niềm tin mỏng manh đến mức chỉ cần một cơn gió ngược cũng đủ làm chao đảo. Giữa biển đời mịt mù, đôi khi chính trái tim cũng mỗi mòn, không biết đâu là bến, đâu là bờ, đâu là nơi mình sẽ gọi "miền đất hứa".

Thế rồi trời đất vẫn âm thầm nâng đỡ. Sau bao năm bụi mờ phủ lên ký ức, "Tạ ơn đời đã ban, Cám ơn người cuu mang, Thuyền được về bến đỗ – Giữa biển đời ly tan" — Nơi đất nước dang tay rộng đón mình, nơi gia đình được dựng lại từ những viên gạch đầu tiên của hy vọng. Từ một cuộc ra đi vô vọng, từng chúng ta đã tìm thấy một mái ấm, một hạnh phúc không chỉ nở hoa mà còn kết trái, nuôi dưỡng nhau trong tin yêu của những ngày tươi sáng trước mắt "Nhìn hoa trái đẹp đời – 50 Năm đắp xây, hạnh phúc trong tình đây".

Để từ đó trái tim học cách biết ơn. Biết ơn đất nước đã mở cửa đón mình. Biết ơn cuộc đời đã cuu mang mình. Biết ơn người bạn đời đã cùng mình đắp xây một mái nhà đầy ắp tiếng cười. Và biết ơn chính mình — người đã đi qua nửa thế kỷ bụi mờ mà vẫn luôn ráng giữ mình làm một người tốt, trân quý tất cả những gì đã nhận để sẵn sàng chia sẻ cho những kẻ kém may mắn. Vì bạn ơi, trong lớp bụi của năm tháng, có những hạt bụi làm cay mắt, nhưng cũng có những hạt bụi lấp lánh như ánh nắng ấm áp cuối chiều, mà nếu bạn biết nhặt lấy, dành giùm, và nâng niu, chúng sẽ thành những câu chuyện đẹp, nhân ái, và đáng nhớ.

Mời bạn đọc thưởng thức bản nhạc "**50 Năm Bụi Mờ**" của nhạc sĩ Lê Tín Hương. Một bản nhạc chan chứa tình cảm, và có lẽ là bản duy nhất được viết ra trong năm 2025 – tặng chung cho bao người buộc phải rời bỏ quê hương mình. Người trình bày bản nhạc là quân y sĩ Phạm Quang Tố. Điều làm người nghe xúc động nhất khi nghe "50 Năm Bụi Mờ" không

phải là kỹ thuật hay sự trau chuốt, mà là giọng hát của một người bình thường — một người không đứng trên sân khấu lớn, không mang danh ca sĩ chuyên nghiệp, nhưng lại hát bằng cả trái tim đã đi qua nửa đời phong sương. Trái tim của một đời người từng trải qua di cư 54, nay lại phải một lần nữa xa quê hương. Nên trong từng câu hát của anh, tôi nghe được hơi thở của một kiếp người: ấm và chân thật, mộc mạc mà thấm sâu. Có lẽ chính vì anh không phải ca sĩ chuyên nghiệp nên mỗi chữ, mỗi nốt đều mang một vẻ đẹp rất người. Không có sự phô diễn, chỉ có sự trải lòng. Không có sự hoàn hảo, chỉ có sự chân thành. Và đôi khi, chính sự chân thành ấy lại làm người nghe dễ rơi nước mắt hơn bất kỳ kỹ thuật nào.

Phải chăng qua giọng hát ấy, ta nhìn thấy hình ảnh của chính mình trong đó: một cuộc ra đi tưởng như vô vọng, những năm tháng bão tố dập dồn, những lúc nguyện cầu khi niềm tin quá mong manh. Đồng thời cũng đồng cảm với tấm lòng biết ơn dành cho đất nước đã cuu mang, cảm ơn cuộc đời đã cho mình một tương lai, cho mình đắp xây hạnh phúc từ những điều căn bản nhỏ bé nhất. Để chợt thấy giờ đây "hoàng hôn đến hững hờ – Nghe từ cõi hoang sơ, hồn xưa cũng bụi mờ".

### [50 năm bụi mờ](#)

Bạn đọc thân mến, khi tôi gần chấm dứt bài viết của mình, tôi nhận được bản nhạc "Đôi Bờ Xa" của NS. Lê Tín Hương. Bản nhạc là một giai điệu nâng niu từng nỗi nhớ, còn ca từ thì như nối dài thêm câu chuyện Đôi Bờ, bắt chợt đến và chạm vào nơi sâu nhất, nơi những con sóng ký ức vẫn còn thì thầm. Như một hơi thở dài của biển đêm. Giai điệu mềm, chậm, nhưng không hề buồn rữ vì nó mang cái buồn của người từng trải, của những bước chân đã đi quá nửa đời người nhưng vẫn còn ngoái về phía quê hương. Để biết rằng tình người, tình quê, tình đời... vẫn còn đậm đà. Người nghe có cảm giác như mình đang đứng trước một đại dương thật sự – rộng, sâu, và đầy những điều khó gọi thành tên. Sóng trong bài hát không chỉ là sóng biển, mà là sóng lòng: những đợt nhớ, đợt thương, đợt tiếc nuối của một đời người xa xứ.

Cao trào của cảm xúc nằm ở đoạn "Dẫu đôi bờ xa nhưng tình ta mãi đậm đà". Ở đây, giai điệu nâng lên nhẹ nhàng, không bi lụy, mà như một lời tự nhủ, một lời hứa âm thầm. Người nghe cảm nhận được một thứ tình cảm rất đẹp: không đòi hỏi, không trách móc, chỉ lặng lẽ tồn tại — như một dòng nước ngầm chảy mãi giữa hai bờ. Khi bản nhạc kết thúc, người nghe không thấy nặng nề. Ngược lại, có một sự bình yên rất lạ. Như thể sau bao nhiêu năm đi qua bão giông, cuối cùng ta cũng hiểu rằng: có những điều không thể gặp lại, nhưng vẫn có thể giữ lại. Có những bờ xa không thể bước tới, nhưng vẫn có thể đứng từ bên này mà thương.

"**Đôi Bờ Xa**" vì thế không chỉ là một bản nhạc. Nó là một lời tâm sự của cả một thế hệ, là tiếng thở dài của những người đã rời đất nước nhưng tâm hồn vẫn còn gắn bó với quê hương.

### [Đôi bờ xa](#)

Quý bạn thân mến, nhìn lại hành trình nửa thế kỷ phủ bụi mờ, ta chợt hiểu rằng mỗi đời người, dù đi xa đến đâu, cũng mang trong mình một sợi dây vô hình buộc về quê cũ. Những năm tháng lưu lạc tưởng như chỉ là chuyện riêng của một gia đình, một kiếp người, nhưng thật ra lại hòa vào câu chuyện lớn hơn của cả dân tộc – câu chuyện của những đôi bờ đã từng bị chia cắt, của những con tim phải rời nhau trong lặng lẽ, của những bước chân ra đi trong âm thầm mà không biết ngày trở lại.

Và chính trong khoảnh khắc nhận ra mình đã tìm được bến đỗ, ta lại thấy rõ hơn nỗi mong manh của những phận người đứng hai phía dòng sông lịch sử — luôn mang theo niềm tin lúc đầy lúc vơi, mang theo nỗi nhớ lúc sáng lúc mờ, nhưng chưa bao giờ thôi hy vọng một ngày nào đó được nhìn thấy nhau trong bình yên.

Quý bạn đọc thân mến, khi nhìn lại những Đôi Bờ đã đi qua theo thời gian, ta mới hiểu rằng lịch sử Việt Nam không chỉ viết bằng chiến thắng đẫm máu, chiếm đòai này hay đòai kia, hoặc những bản hiệp định trên giấy tờ, mà còn bằng những khoảng cách: khoảng cách của một cây cầu bị đánh sập, của một lần vĩ tuyến phi quân sự vẫn bị mưu mô lấn chiếm trong bóng tối, của một phòng tuyến bị đẩy xuống, của một dòng sông đổi vai trò, và của một đại dương mênh mông. Nhưng điều kỳ lạ hơn nữa là càng nhiều Đôi Bờ, người Việt càng học cách tìm nhau. Từ những người di cư 54, đến những gia đình chờ tin nhau dù đã có con sông Bến Hải và vĩ tuyến 17, rồi những con thuyền vượt biển sau 1975 mang theo hy vọng mong manh... tất cả đều cho thấy một điều: khoảng cách chưa bao giờ đủ lớn để dập tắt khát vọng tự do. Và điều đẹp nhất không phải là khi hai bờ liền lại, mà khi ta nhận ra trong sâu thẳm của trái tim, có những tiếng gọi chào, những nhung nhớ, những thương yêu, tình quê hương, gửi qua âm nhạc và thi ca, là động lực giúp ta hiểu thêm rằng chưa bao giờ tồn tại một dòng sông đủ lớn, đủ mạnh để chia cắt tình người. Những đôi bờ lịch sử rồi sẽ rời xa, thay vào đó là những Đôi Bờ của lòng người, nơi ta vẫn hướng về nhau, dù ở nơi nào cũng tìm đường đến với nhau – như bao trăm ngàn người Việt bên ngoài Việt Nam đã và đang tiếp tục bảo lãnh thân nhân mình đến sống cạnh mình, chung bờ với mình – hay gửi tiền về giúp xóm làng, người quen xưa – là điều sẽ còn mãi.

Mong rằng thi ca âm nhạc, khi đưa vào bài viết Đôi Bờ này, không phải để làm loãng tính chất lịch sử khắc nghiệt của Đôi Bờ, cũng không làm bài viết mềm đi. Nó làm cho trái tim người đọc... ấm lại, đồng thời làm thêm một điều rất nhỏ mà lại rất đẹp: rót vào câu chuyện lịch sử một hơi thở của hối tiếc, của một lời xin lỗi, của hy vọng và tha thứ độ lượng. Để nói lên rằng, không có dòng sông nào có thể vĩnh viễn làm chia cách tình người, nếu chúng ta nhìn lại những trang lịch sử Đôi Bờ bằng trái tim. Với những hiểu biết vừa lý vừa tình ở trên đã giúp Đôi Bờ, vốn nguyên thủy là một bài viết khô khan, trở thành một bài viết không chỉ để đọc, mà để cảm thông, để nhớ, và để thương. Một bài viết về hành trình cho những người đứng giữa đôi bờ, nhưng trái tim thì chưa rời bờ nào. Và rằng âm nhạc luôn là chiếc cầu duy nhất, tình cảm nhất, nhẹ nhàng nhất, giúp nối những linh hồn đã tản mác khắp nơi. Cho thấy CS diệt được mọi thứ nhưng không thể nào cấm được những cái mà chúng từng sợ

nhất: Tinh Thần Tự Do Dân Chủ, Nền Giáo Dục Nhân Bản, nền Văn Học Nghệ Thuật, và Nhạc Vàng của Miền Nam Việt Nam.

*Vĩnh Chánh,*

*tháng 4, 2026*

*nguồn: [blog người phương nam](#)*



---

*Nguồn: Internet eMail by kb chuyển*

*Đăng ngày thứ Hai, June 29/2026  
tkd, Khoa 10A-72/SQTĐ/ĐĐ, ĐĐ11/TĐ1ND, QLVNCH*